TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO BẰNG** **TỈNH CAO BẰNG** Số: 24/2023/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Cao Bằng, ngày 24 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 19/2023/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hữu T – Sinh năm: 1989

HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 12, phường G, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị G – Sinh năm: 1991

HKTT: Tổ 12, phường G, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 2, phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lí và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 5 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 5 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Ông Nguyễn Hữu T – Sinh năm: 1989

HKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 12, phường G, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

- Bà Phạm Thị G – Sinh năm: 1991

HKTT: Tổ 12, phường Hợp G, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 2, phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị G.

- Về con chung*:* Hai bên đương sự xác nhận trong quá trình chung sống có 01 con chung là Nguyễn Hải Đ – sinh ngày: 08/8/2016 (Giới tính: Nam).

Khi ly hôn, hai bên đương sự tự nguyện thỏa thuận con chung Nguyễn Hải Đ sẽ do bà Phạm Thị G là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên đương sự xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai bên đương sự xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị G mỗi người phải nộp 75.000đ *(Bảy mươi lăm nghìn)* đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước nhưng ông T tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí là 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn)* đồng. Nay được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai số 0003380 ngày 21/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

Ông Nguyễn Hữu T đã nộp đủ số tiền án phí dân sự sơ thẩm và còn được hoàn lại 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn)* đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh CB;
- Viện kiểm sát TPCB;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh CB;
- CCTHADS TPCB;
- UBND phường G,Tp. C, t.CB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quỳnh Mai